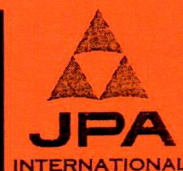


Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty thành viên của JPA International  
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Tp.HCM  
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285  
Email : [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com) Website : [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH - RIÊNG**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ  
VI NA TA BA**



## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán (riêng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 26

---



## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (sau đây gọi là “Công ty”) là công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0305020995 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 06 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 17 vào ngày 05 tháng 10 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ : 114.000.000.000 đồng.

Tổng số cổ phần : 11.400.000 cổ phần

Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/CP.

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là VTJ.

### 2. Trụ sở hoạt động

#### 2.1 Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên, TP Hà Nội, Việt Nam.

Mã số thuế : 0305020995

#### 2.2 Cấu trúc công ty

Thông tin về công ty con tính đến ngày 31/12/2025:

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ hân sở hữu
1.	Công ty TNHH TM và DV VTJ Việt Nam	Thương mại dịch vụ	100%	100%	100%	100%	100%	100%

Thông tin về Công ty liên doanh, liên kết tính đến ngày 31/12/2025:

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ hân sở hữu
1.	Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn	Hoạt động tư vấn quản lý	39,20%	39,20%	39,20%	39,20%	39,20%	39,20%

Thông tin về Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tính đến ngày 31/12/2025:

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ hân sở hữu
1.	Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One	Đầu tư tài chính	9,375%	9,375%	9,375%	9,375%	9,375%	9,375%



**3. Ngành nghề hoạt động**

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

**4. Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát**

**4.1. Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Chí Long	Chủ tịch	23/04/2025	
Ông Vũ Ngọc Lân	Thành viên	23/04/2025	
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên	23/04/2025	

**4.2 Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Phương	Trưởng ban	23/04/2025	
Ông Quảng Thanh Bình	Thành viên	23/04/2025	
Bà Nguyễn Minh Anh	Thành viên	23/04/2025	

**4.3 Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thùy Duyên	Kế Toán Trưởng		

**5. Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Chí Long – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**6. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (riêng) từ trang 07 đến trang 26.

**7. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính (riêng) của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính (riêng).

**8. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.



## **9. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính (riêng) phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong việc lập các Báo cáo tài chính (riêng) này, Chủ tịch Hội đồng quản trị đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng quản trị đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính (riêng); các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính (riêng) được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên Hội đồng Quản trị và Giám đốc cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty. Không một thành viên nào của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Giám đốc có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các công ty hay các bên liên quan.

## **10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính (riêng)**

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính (riêng) kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng).

Thành phố Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026.



**LÊ CHI LONG**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



Số: 300314/26/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính (riêng) kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026 từ trang 07 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán (riêng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) và Thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### *Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT*

Chủ tịch HĐQT Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính (riêng) Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện Kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính (riêng) Công ty của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính (riêng) Công ty. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính (riêng) Công ty do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) Công ty trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính (riêng) Công ty.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính (riêng) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).

### **Vấn đề khác**

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo kiểm toán rằng, phạm vi của Báo cáo tài chính (riêng) này chỉ phản ánh tình hình tài chính (riêng) và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả kinh doanh (riêng) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Việc hợp nhất Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty với các công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.

Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi công ty khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần được phát hành vào ngày 25 tháng 3 năm 2025.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)**



**Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN số 2141-2023-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

**Nguyễn Đan Anh - Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHN số 6265-2023-071-1

### **Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.511.280.211</b>	<b>1.278.919.898</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>775.833.928</b>	<b>61.267.523</b>
111	1. Tiền		775.833.928	61.267.523
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>712.475.520</b>	<b>1.192.000.000</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	652.475.520	1.170.000.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		60.000.000	22.000.000
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>22.970.763</b>	<b>25.652.375</b>
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		22.970.763	25.652.375
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>100.838.797.656</b>	<b>100.328.782.025</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		-	-
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.3	-	-
222	- Nguyên giá		157.000.000	157.000.000
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(157.000.000)	(157.000.000)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>4.958.635.200</b>	<b>4.958.635.200</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.4	4.958.635.200	4.958.635.200
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.5	<b>95.880.162.456</b>	<b>95.370.146.825</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		49.000.000.000	49.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		39.200.000.000	39.200.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		30.000.000.000	30.000.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(22.319.837.544)	(22.829.853.175)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		-	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>102.350.077.867</b>	<b>101.607.701.923</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Địa chỉ: Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên, TP Hà Nội, Việt Nam

**Bảng cân đối kế toán (riêng) (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.598.484.795</b>	<b>1.940.526.595</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.598.484.795</b>	<b>1.940.526.595</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.6	642.045.921	81.462.721
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.7	9.150.000	9.150.000
314	3. Phải trả người lao động		17.500.000	17.500.000
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		11.500.000	8.900.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.8	1.870.285.000	1.775.510.000
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		48.003.874	48.003.874
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>99.751.593.072</b>	<b>99.667.175.328</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.9	<b>99.751.593.072</b>	<b>99.667.175.328</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		114.000.000.000	114.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		114.000.000.000	114.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		497.638.934	497.638.934
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		472.910.044	472.910.044
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(15.218.955.906)	(15.303.373.650)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(15.303.373.650)	(15.478.442.041)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		84.417.744	175.068.391
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>102.350.077.867</b>	<b>101.607.701.923</b>

TP. Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN

NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN





**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	8.941.868.000	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.941.868.000	-
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	8.795.280.000	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		146.588.000	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		1.673.903	382.043
22	7. Chi phí tài chính	VI.3	(510.015.631)	(744.363.074)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	548.152.062	569.676.726
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		110.125.472	175.068.391
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		25.707.728	-
40	13. Lợi nhuận khác		(25.707.728)	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		84.417.744	175.068.391
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.7	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		84.417.744	175.068.391
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.6		
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.6		

TP. Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN

NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN



LÊ CHÍ LONG



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (RIÊNG)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		84.417.744	175.068.391
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		(511.689.534)	(729.792.765)
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		-	14.952.352
03	- Các khoản dự phòng	VI.3	(510.015.631)	(874.363.074)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.673.903)	129.617.957
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		(427.271.790)	(554.724.374)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		482.206.092	181.754.350
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	-	-	-
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		657.958.200	(36.450.000)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	-
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		712.892.502	(409.420.024)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.673.903	382.043
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		1.673.903	382.043
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	(9.650.000)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		-	(9.650.000)
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>		714.566.405	(418.687.981)
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		61.267.523	479.955.504
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	V.1	775.833.928	61.267.523

TP. Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN

NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN





## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (sau đây gọi là “Công ty”).

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là thương mại và dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm Công ty có phát sinh doanh thu bán hàng hóa, dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng so với cùng kỳ năm trước.

#### **6. Nhân viên**

- Số lượng lao động đầu năm của Công ty là 07 người.
- Số lượng lao động cuối năm của Công ty là 08 người.

#### **7. Cấu trúc công ty**

*Đầu tư vào công ty con*

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ hạn sở hữu
1.	Công ty TNHH TM và DV VTJ Việt Nam	Thương mại dịch vụ	100%	100%	100%	100%	100%	100%



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Địa chỉ: Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên, TP Hà Nội, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Các công ty liên doanh, liên kết**

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1.	Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn	Hoạt động tư vấn quản lý	39,20%	39,20%	39,20%	39,20%	39,20%	39,20%

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1.	Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One	Đầu tư tài chính	9,375%	9,375%	9,375%	9,375%	9,375%	9,375%

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Chủ tịch HĐQT đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn, tiền đang chuyển và vàng tiền tệ.

##### **3. Các khoản đầu tư tài chính**

###### **Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết**

###### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

###### *Công ty liên doanh, liên kết*

Công ty liên doanh, liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

###### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.



- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07

## **7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

## **8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## **9. Vốn chủ sở hữu**

### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

## **10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.



- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**11. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

**12. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí giao dịch ngân hàng.

**13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

**14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

**Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Theo quy định tại điều 11 nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025:

**Điều 11. Thuế suất**

1. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và 5 Điều này và đối tượng được ưu đãi về thuế suất quy định tại Điều 19 Nghị định này.
2. Thuế suất 15% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng.
3. Thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng.

Theo đó tổng doanh thu của kỳ tính thuế năm trước liền kề của Công ty không quá 03 tỷ đồng. Do đó, Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 15%.

**15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VINA TA BA**

Địa chỉ: Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên, TP Hà Nội, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐƠN VỊ TÍNH: VND)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	3.952.494	3.952.494
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	771.881.434	57.315.029
<b>Cộng</b>	<b>775.833.928</b>	<b>61.267.523</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>652.475.520</i>	-	-	-
Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP	652.475.520	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-	<i>1.170.000.000</i>	-
Nguyễn Thị Trang	-	-	1.170.000.000	-
Các đối tượng khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>652.475.520</b>	-	<b>1.170.000.000</b>	-

**3. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	157.000.000	157.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>157.000.000</b>	<b>157.000.000</b>
Trong đó:		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	157.000.000	157.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số đầu năm	157.000.000	157.000.000
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>157.000.000</b>	<b>157.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VINA TA BA**

Địa chỉ: Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên, TP Hà Nội, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Chi phí phát sinh trong năm</b>	<b>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</b>	<b>Giảm khác</b>	<b>Số cuối năm</b>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>					
- Chi phí mua đất nền tại khu dân cư 6B (*)	4.875.000.000	-	-	-	4.875.000.000
- Chi phí thiết kế	83.635.200	-	-	-	83.635.200
<b>Cộng</b>	<b>4.958.635.200</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.958.635.200</b>

(\*) Là chi phí mua đất nền xây dựng nhà ở tại lô số 08 khu dân cư 6B, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh theo Hợp đồng ký ngày 30 tháng 03 năm 2017. Chủ đầu tư đang thực hiện thủ tục chuyển nhượng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty.

175  
G TY  
M HỮU  
VÀ T U  
VIỆ  
IỐ C Y



5. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Dự phòng	Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)		Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	49.000.000.000	49.000.000.000	-	49.000.000.000	-
Công ty TNHH TM và DV VTJ Việt Nam <sup>(1)</sup>	49.000.000.000	49.000.000.000	-	49.000.000.000	-
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	39.200.000.000	16.880.162.456	(22.319.837.544)	39.200.000.000	(22.829.853.175)
Công ty CP Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn <sup>(2)</sup>	39.200.000.000	16.880.162.456	(22.319.837.544)	39.200.000.000	(22.829.853.175)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One <sup>(3)</sup>	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>118.200.000.000</b>	<b>95.880.162.456</b>	<b>(22.319.837.544)</b>	<b>118.200.000.000</b>	<b>(22.829.853.175)</b>

(1) Công ty TNHH TM và DV VTJ Việt Nam hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109150860 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp (cấp lần đầu ngày 06/04/2020 và thay đổi lần thứ 01 ngày 08/05/2023). Ngành nghề hoạt động chính là thương mại dịch vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 49.000.000.000 đồng, tương đương 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH TM và DV VTJ Việt Nam (số đầu năm là 49.000.000.000 đồng, tương đương 100% vốn điều lệ).

(2) Công ty CP Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106039039 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp (cấp lần đầu ngày 19/11/2012 và thay đổi lần thứ 04 ngày 03/07/2018). Ngành nghề hoạt động chính là hoạt động tư vấn quản lý. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 39.200.000.000 đồng, tương đương 39,20% vốn điều lệ của Công ty CP Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn (số đầu năm là 39.200.000.000 đồng, tương đương 39,20% vốn điều lệ).

(3) Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One hoạt động theo Giấy phép thành lập số 41/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/11/2021. Ngành nghề hoạt động chính là đầu tư tài chính. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 30.000.000.000 đồng, tương đương 9,375% vốn điều lệ của Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One (số đầu năm là 30.000.000.000 đồng, tương đương 9,375% vốn điều lệ).

(\*) Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom), giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.





**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Địa chỉ: Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên, TP Hà Nội, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**6. Phải trả người bán ngắn hạn**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả ngắn hạn các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn khác</b>	<b>642.045.921</b>	<b>81.462.721</b>
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại Minh Tín	641.743.200	-
Phải trả người bán khác	302.721	81.462.721
<b>Cộng</b>	<b>642.045.921</b>	<b>81.462.721</b>

**7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT phải nộp	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	9.150.000	-	36.600.000	(36.600.000)	9.150.000	-
- Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.150.000</b>	<b>-</b>	<b>39.600.000</b>	<b>(39.600.000)</b>	<b>9.150.000</b>	<b>-</b>

**7a. Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**7b. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 15%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	84.417.744	175.068.391
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	51.307.728	90.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	135.725.472	265.068.391
Lỗi các năm trước được chuyển (*)	(135.725.472)	(265.068.391)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	15%	20%
<b>Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Địa chỉ: Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên, TP Hà Nội, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

*(\*) Thuyết minh chuyển lỗ của các năm trước:*

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển trong các năm tính thuế trước	Số lỗ được chuyển trong năm tính thuế này	Số lỗ còn được chuyển sang các năm tính thuế sau
2020	21.763.810.093	265.068.391	135.725.472	21.363.016.230
2021	870.798.327	-	-	-
2022	-	-	-	-
2023	-	-	-	-
2024	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>22.634.608.420</b>	<b>265.068.391</b>	<b>135.725.472</b>	<b>22.233.814.557</b>

**8. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan</i>	<i>100.000.000</i>	-
Lê Chí Long	100.000.000	-
<i>Phải trả ngắn hạn khác các đối tượng khác</i>	<i>1.770.285.000</i>	<i>1.775.510.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.770.285.000	1.775.510.000
Các khoản phải trả khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.870.285.000</b>	<b>1.775.510.000</b>

**9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Chi tiết	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Giảm quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ phúc lợi	47.858.474	-	-	-	47.858.474
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	145.400	-	-	-	145.400
<b>Cộng</b>	<b>48.003.874</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>48.003.874</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Địa chỉ: Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên, TP Hà Nội, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**10. Vốn chủ sở hữu****10a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2024	114.000.000.000	497.638.934	472.910.044	(15.478.442.041)	99.492.106.937
Tăng trong năm trước	-	-	-	175.068.391	175.068.391
Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	175.068.391	175.068.391
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	114.000.000.000	497.638.934	472.910.044	(15.303.373.650)	99.667.175.328
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2025	114.000.000.000	497.638.934	472.910.044	(15.303.373.650)	99.667.175.328
Tăng trong năm nay	-	-	-	84.417.744	84.417.744
Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	84.417.744	84.417.744
Giảm trong năm nay	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	114.000.000.000	497.638.934	472.910.044	(15.218.955.906)	99.751.593.072

**10b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ (%)	Vốn góp	Tỷ lệ (%)	Vốn góp
Danh sách cổ đông	100,00	114.000.000.000	100,00	114.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>114.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>114.000.000.000</b>

**Tình hình góp vốn điều lệ như sau:**

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	114.000.000.000	114.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>114.000.000.000</b>	<b>114.000.000.000</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Địa chỉ: Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên, TP Hà Nội, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**10c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	114.000.000.000	114.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	114.000.000.000	114.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**10d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.400.000	11.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	11.400.000	11.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.400.000	11.400.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.400.000	11.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.400.000	11.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐƠN VỊ TÍNH: VND)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	8.941.868.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.941.868.000</b>	<b>-</b>
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i>		

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	8.941.868.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.941.868.000</b>	<b>-</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán hàng hóa	8.795.280.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.795.280.000</b>	<b>-</b>

**3. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	130.000.000
Hoàn nhập dự phòng tổn thất khoản đầu tư	(510.015.631)	(874.363.074)
<b>Cộng</b>	<b>(510.015.631)</b>	<b>(744.363.074)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VINATA BA**

Địa chỉ: Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên, TP Hà Nội, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên quản lý	240.000.000	240.000.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	14.952.352
- Thuế, phí và lệ phí	5.024.000	4.716.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	162.569.324	181.444.474
- Chi phí bằng tiền khác	140.558.738	128.563.900
<b>Cộng</b>	<b><u>548.152.062</u></b>	<b><u>569.676.726</u></b>

**5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên quản lý	240.000.000	240.000.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	14.952.352
- Thuế, phí và lệ phí	5.024.000	4.716.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	162.569.324	181.444.474
- Chi phí bằng tiền khác	138.958.738	128.563.900
<b>Cộng</b>	<b><u>546.552.062</u></b>	<b><u>569.676.726</u></b>

**6. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

Chỉ tiêu này không trình bày trên Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vinataba vì đây là Công ty mẹ, và được trình bày trên Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn theo quy định tại khoản 3.19, điều 113 của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

**2. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

**3. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VINA TA BA**

Địa chỉ: Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên, TP Hà Nội, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm tiền lương, thưởng, thù lao)*

Chi tiết gồm:	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Lê Chí Long	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
Lê Thị Hạnh	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Vũ Ngọc Lân	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Nguyễn Công Đức	Trưởng ban kiểm soát	18.000.000	18.000.000
Nguyễn Thị Phương	Thành viên	12.000.000	12.000.000
Quảng Thanh Bình	Thành viên	12.000.000	12.000.000
Nguyễn Minh Anh	Thành viên	8.000.000	-
Nguyễn Thị Thùy Duyên	Kế toán trưởng	240.000.000	240.000.000
<b>Cộng</b>		<b>374.000.000</b>	<b>366.000.000</b>

**3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH TM và DV VTJ Việt Nam	Công ty con
2	Công ty CP Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn	Công ty liên kết
3	Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP	Chung thành viên quản lý chủ chốt
4	Lê Chí Long	Chủ tịch Công ty

*Giao dịch với các bên liên quan*

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP</b>		
Doanh thu bán hàng	8.941.868.000	
<b>Lê Chí Long</b>		
Phải trả khác	100.000.000	

*Số dư với các bên liên quan khác*

Số dư với các bên liên quan đã được trình bày tại thuyết minh số V.2, V.8, VI.1.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên, TP Hà Nội, Việt Nam.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### 4. Tài sản đảm bảo

##### Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có tài sản thế chấp cho đơn vị khác.

##### Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác.

#### 5. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

##### Lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty là hoạt động kinh doanh thương mại.

##### Khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

#### 6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (riêng) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

#### 7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026.

Người lập biểu/ Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN

